TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuần Giáo, ngày 23 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị M**, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3.2. Anh **Quàng Văn P**, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3.3. Chị **Lò Thị P1**, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3.4. Chị **Lò Thị B**, sinh năm 1997; địa chỉ: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 55 của Luật hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Lò Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Lò Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn T có 02 người con chung; cháu Lò Thị M1, sinh ngày 05/5/2004 và cháu Lò Văn T1, sinh ngày 27/02/2006. Hiện tại các con của chị Lò Thị M, anh Lò Văn T đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung:

2.4.1. Nợ chung phải trả:

- Chị Lò Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Lò Thị H 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

- Anh Lò Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lò Thị H 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

2.4.2. Nợ chung thu về:

a. Chị Lò Thị M được thu về các khoản nợ sau:

- Thu nợ của anh Quàng Văn P 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

- Thu nợ của chị Lò Thị P1 1.000.000 đồng (*một triệu* đồng).

- Thu nợ của chị Lò Thị B 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*).

b. Anh Lò Văn T được thu về các khoản nợ sau:

- Thu nợ của anh Quàng Văn P 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

- Thu nợ của chị Lò Thị P1 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

- Thu nợ của chị Lò Thị B 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*).

Chị Lò Thị M và anh Lò Văn T không yêu cầu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Quàng Văn P, chị Lò Thị P1 và chị Lò Thị B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lò Thị M, anh Lò Văn T là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ; anh chị đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Quàng Văn P, chị Lò Thị P1, là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở

xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ; anh chị đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Chị Lò Thị B phải chịu 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chị Lò Thị B chưa nộp án phí).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thị hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã C;
(đã thực hiện việc ĐKKH);
- Lưu.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương